

Số: **384**/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày **16** tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính
nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1850/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh Trà Vinh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 39/TTr-SNV ngày 30/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (b/c);
- Vụ Cải cách hành chính (BNV)
- TT TU (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- BLĐVP;
- Phòng THNV (thực hiện);
- Lưu: VT, NC. 04

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



[Signature]
Lê Văn Hân



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
(Kèm theo Quyết định số: **384/QĐ-UBND** ngày **16/02/2022**
của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- a) Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính (sau đây viết tắt là CCHC) nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh Trà Vinh.
- b) Tăng cường công tác tuyên truyền tạo sự lan tỏa rộng rãi trong toàn thể cán bộ công chức, viên chức (sau đây viết tắt là CBCCVV) và Nhân dân về nội dung Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh; các mục tiêu, nhiệm vụ công tác CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2025.
- c) Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện công tác CCHC; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thực thi công vụ; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công (sau đây viết tắt là DVHCC), cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút tốt đầu tư trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- a) Cải cách thể chế
 - Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (sau đây viết tắt là VBQPPL), nhằm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; giải quyết tốt mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường, tập trung các cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh phát triển, đổi mới, sáng tạo.
 - Tổ chức chặt chẽ quy trình ban hành VBQPPL; nâng cao chất lượng, đảm bảo công tác ban hành VBQPPL kịp thời, khả thi, sát hợp thực tế, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, phục vụ có hiệu quả việc xây dựng, phát triển Chính quyền số, Chính quyền điện tử, hướng tới nền kinh tế số và xã hội số.
 - Thực hiện thường xuyên, hiệu quả công tác rà soát, hệ thống hóa VBQPPL, các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực, kịp thời phối hợp, kiến nghị với Trung ương trong quá trình hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính nhà nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển.
- b) Cải cách thủ tục hành chính
 - Hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh phục vụ cho việc cắt giảm, đơn giản hóa hồ sơ, giấy tờ công dân.

- Năm 2021:

+ Hoàn thiện hệ thống VBQPPL quy định về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là TTHC).

+ Hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và đăng ký doanh nghiệp với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh phục vụ xác thực, định danh và cắt giảm, đơn giản hóa hồ sơ, giấy tờ công dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp.

+ Hoàn thành việc số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực đạt tối thiểu tương ứng 30%, 20%, 15% đối với kết quả thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để đảm bảo việc kết nối chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

+ Tổ chức triển khai 100% quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- Năm 2022:

- Hoàn thành việc số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, tăng tối thiểu 20% đối với kết quả thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để đảm bảo việc kết nối chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

+ Hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm xã hội và đất đai với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh phục vụ việc giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp.

+ Tổ chức triển khai quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC tại 50% Bộ phận Một cửa cấp huyện và 30% Bộ phận Một cửa cấp xã.

+ Hợp nhất Cổng Dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh để tạo lập Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thống nhất, liên thông giữa các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

+ Tối thiểu 30% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC (trước đó), mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đó được cơ quan khác sẵn sàng chia sẻ và đáp ứng được yêu cầu.

+ Giảm thời gian chờ đợi của người dân, doanh nghiệp tại Bộ phận Một cửa xuống trung bình còn tối đa 30 phút/01 lần đến giao dịch.

- Năm 2023 - 2025:

+ Hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu từ các Cơ sở dữ liệu quốc gia còn lại, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh phục vụ cho việc cắt giảm, đơn giản hóa hồ sơ, giấy tờ công dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp.

+ Tăng tỷ lệ số hóa, ký số và lưu trữ điện tử đối với hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đã được giải quyết thành công trong mỗi năm thêm 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

+ Tổ chức triển khai quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC tại các Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã theo tỷ lệ tăng mỗi năm tối thiểu 30% cho đến khi đạt 100%, trừ các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

+ 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC (trước đó), mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

+ Tỷ lệ người dân thực hiện các dịch vụ công trực tuyến và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử tối thiểu đạt 50% so với tổng số hồ sơ tiếp nhận; tối thiểu từ 80% trở lên hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử; 100% hồ sơ TTHC đã giải quyết thành công được số hóa, lưu trữ và có giá trị tái sử dụng.

- Tăng năng suất lao động trung bình trong việc giải quyết TTHC thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xã hội hóa một số công việc trong quy trình hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết TTHC, cụ thể: Năng suất tiếp nhận hồ sơ trung bình của 01 nhân sự trực tại Bộ phận Một cửa trong 01 năm lên mức tối thiểu: Cấp tỉnh là 1.600 hồ sơ; cấp huyện 1.200 hồ sơ; cấp xã 800 hồ sơ (trừ trường hợp tổng số hồ sơ tiếp nhận trong năm/01 Bộ phận Một cửa ít hơn chỉ tiêu trên). Giảm thời gian chờ đợi của người dân, doanh nghiệp xuống trung bình còn tối đa 15 phút/01 lượt giao dịch; thời gian tiếp nhận, xử lý hồ sơ tối thiểu 30 phút/01 hồ sơ vào năm 2025.

+ Điện tử hóa việc giám sát, đánh giá kết quả tiếp nhận, giải quyết TTHC làm cơ sở đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, CBCC công khai, minh bạch, hiệu quả.

+ Mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với chất lượng cung cấp dịch vụ công đạt tối thiểu 95% vào năm 2025.

c) Cải cách tổ chức bộ máy

- Hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, ấp, khóm trên địa bàn tỉnh theo tiêu chuẩn quy định.

- Hoàn thành việc rà soát, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, cấp huyện trên cơ sở phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, khắc phục triệt để tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan.

- Giảm 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là ĐVSNCL) và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021 trên địa bàn tỉnh.

- Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (sau đây viết tắt là CQHCCNN) đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

d) Cải cách chế độ công vụ

- Xây dựng được đội ngũ CBCCVC chuyên nghiệp, có chất lượng cao, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng CCVC; thực hiện các chính sách, chế độ thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong các cơ quan hành chính.

- Xây dựng được đội ngũ CBCCVC của tỉnh có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực đã được phê duyệt.

đ) Về cải cách tài chính công

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống VBQPPL về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với các CQHCCNN, ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh. Phấn đấu, có tối thiểu 20% ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

e) Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử

- 100% cơ quan sử dụng Cổng dịch vụ công của tỉnh (hoặc Hệ thống thông tin một cửa điện tử của ngành) thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC (đối với tất cả các TTHC) theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; thực hiện TTHC trên môi trường điện tử theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

- 90% hồ sơ công việc cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên iOffice (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% cơ quan thực hiện Công tác văn thư trên iOffice theo quy định Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ.

- 100% cơ quan phát hành văn bản bằng hình thức điện tử (không gửi văn bản giấy) đối với các loại văn bản¹.

¹ Theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 5032/UBND-HCQT ngày 10/12/2020 về việc gửi, nhận văn bản điện tử không gửi kèm văn bản giấy

- 100% CCVC có thẩm quyền ký văn bản và sử dụng con dấu của cơ quan, cán bộ phụ trách tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ được cấp chứng thư số cá nhân.

- 100% CQHCCN áp dụng ISO điện tử.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội (không bao gồm nội dung mật) phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được thực hiện qua Hệ thống báo cáo của UBND tỉnh, kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

- 75% số cuộc họp (họp, hội nghị, tập huấn, tuyên truyền) có đại biểu từ 02 cấp hành chính trở lên (tỉnh - huyện; tỉnh - huyện - xã; tỉnh - xã; huyện - xã) được tổ chức bằng hình thức trực tuyến.

- 75% số cuộc họp tập trung (họp, hội nghị, tập huấn, tuyên truyền) áp dụng hình thức họp không giấy (sử dụng tài liệu điện tử, không in tài liệu giấy).

- Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến (sau đây viết tắt là DVCTT): 100% TTHC (đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; trong đó, tối thiểu 70% dịch vụ có hồ sơ nộp trực tuyến; tối thiểu 60% hồ sơ được nộp bằng hình thức trực tuyến/tổng số hồ sơ tiếp nhận. 100% dịch vụ công (mức độ 3, mức độ 4) phổ biến của tỉnh liên quan đến nhiều người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng DVCTT.

- 100% kết quả giải quyết TTHC được số hóa theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ.

- 100% giao dịch trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh (gồm hệ thống thông tin một cửa điện tử của ngành) được xác thực điện tử.

- Phần đầu 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của tỉnh (tối thiểu 40%).

- Phần đầu 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

II. YÊU CẦU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền; đồng thời, nêu cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ CCHC của cơ quan, đơn vị.

2. Xác định cụ thể các nhiệm vụ CCHC theo từng lĩnh vực, các chỉ tiêu cần đạt được, mốc thời gian hoàn thành, trách nhiệm cơ quan thực hiện.

3. Bố trí đủ nguồn lực đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hành chính công nhằm đem lại những kết quả thiết thực trong thực hiện công tác CCHC.

4. Tăng cường sự phối hợp của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện trong triển khai và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC; cải thiện, nâng cao chất lượng cung ứng DVHCC, tạo sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ hành chính trên địa bàn tỉnh.

III. NỘI DUNG NHIỆM VỤ

1. Về cải cách thể chế

- Tổ chức hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật đến toàn thể CBCC và người dân trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục nâng cao năng lực và chất lượng công tác tham gia xây dựng pháp luật nhà nước, tiếp tục hoàn thiện quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL của Hội đồng nhân dân và UBND các cấp nhằm đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ và khả thi của các VBQPPL. Tăng cường kiểm tra, rà soát VBQPPL, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

- Rà soát, bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các VBQPPL của Hội đồng nhân dân và UBND các cấp, chú trọng rà soát các văn bản về tổ chức bộ máy và quản lý CBCCV; về thu hút đầu tư; về đất đai, tài nguyên để tạo hành lang pháp lý thông suốt, rõ ràng góp phần phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Xây dựng, cụ thể hóa các văn bản pháp luật, chính sách đặc thù để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, kinh tế số, sản xuất thông minh, các mô hình sản xuất kinh doanh mới, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử, khởi nghiệp sáng tạo,...

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật; ban hành quy định và tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tổ chức, theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật hàng năm. Tăng cường năng lực phản ứng chính sách, kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật, đặc biệt gắn kết với quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật. Đồng thời, đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật và thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Kiểm soát chặt chẽ việc công bố mới, bãi bỏ TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm TTHC được công bố mới đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, trọng tâm là TTHC thuộc các lĩnh vực: Đất đai, xây dựng, đầu tư, bảo hiểm, hải quan, công an,... và các TTHC thuộc các lĩnh vực khác có số lượng, tần suất giao dịch lớn.

- Rà soát, đơn giản hóa TTHC:

+ Rà soát, đánh giá TTHC trong quá trình thực hiện; kiến nghị, đề xuất loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn

cho người dân, tổ chức; kiến nghị, đề xuất loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý.

+ Rà soát, thống kê và đề xuất các giải pháp nhằm đơn giản hóa các TTHC nội bộ giữa các CQHCNN trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai TTHC dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện. Vận hành và khai thác có hiệu quả Cơ sở dữ liệu TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Tiếp tục thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ.

- Hoàn thành đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

- Đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết TTHC theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát Nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, đảm bảo nguyên tắc quản lý ngành, lãnh thổ, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những phiền hà cho Nhân dân.

- Tăng cường đối thoại, lắng ý kiến người dân, doanh nghiệp nhằm đề xuất giải pháp tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, TTHC.

3. Về cải cách tổ chức bộ máy

a) Sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật; thực hiện sắp xếp, sáp nhập tổ dân phố phù hợp với yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động của tổ dân phố.

b) Tiếp tục rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức các cơ quan, đơn vị, giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính. Kiện toàn tổ chức bộ máy theo quy định².

c) Quản lý, sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp của các cơ quan chuyên môn, ĐVSNCL đúng quy định; thực hiện có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế đảm bảo việc quản lý, sử dụng biên chế tiết kiệm, hiệu quả³.

² Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập

³ Theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

d) Chuyển đổi các ĐVSNCL có đủ điều kiện sang công ty cổ phần; tiếp tục thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và DVHCC mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm.

đ) Sắp xếp, giảm tối đa các Ban quản lý dự án, các tổ chức phối hợp liên ngành; nhất là các tổ chức có bộ phận giúp việc chuyên trách.

e) Tăng cường hoạt động kiểm tra, thanh tra nhằm nâng cao vai trò, tinh thần trách nhiệm, năng lực hoạt động của từng ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ CBCCVC các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu.

b) Tiếp tục thực hiện đổi mới công tác tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, luân chuyển CBCCVC. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức.

c) Thực hiện và đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại CBCCVC theo quy định, đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm cụ thể.

d) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; rà soát, hoàn thiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ công vụ; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những người có sai phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

đ) Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, chú trọng đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng cho đội ngũ CBCCVC gắn với vị trí việc làm.

e) Thực hiện tốt việc quản lý và chế độ, chính sách đối với đội ngũ CBCC ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, bảo đảm giảm dần số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, nâng cao hiệu quả hoạt động.

g) Đề ra các chính sách ưu đãi để tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài trên địa bàn tỉnh.

5. Về cải cách tài chính công

a) Rà soát, đề xuất Trung ương ban hành và hoàn thiện các VBQPPL về cơ chế tự chủ tài chính của ĐVSNCL, bao gồm: Các quy định về nguồn thu, nhiệm vụ chi, phân phối thu nhập bổ sung; thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu ĐVSNCL.

b) Rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công theo thẩm quyền; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công, đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí.

c) Nâng cao hiệu quả trong thực hiện các quy định về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí hành chính đối với CQHCCNN; quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với ĐVSNCL; đảm bảo mục tiêu sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước.

d) Chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; tạo sự cạnh tranh bình đẳng trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ sự nghiệp công.

đ) Ban hành các chính sách khuyến khích thành lập đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, nhất là y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

e) Chuyển đổi các ĐVSNCL sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư và chi thường xuyên.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử

- Rà soát hoàn thiện các quy định, quy chế nhằm phát huy vai trò của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong chỉ đạo triển khai, tổ chức sử dụng các hệ thống thông tin phục vụ trong CCHC, trách nhiệm của CBCCVC trong đổi mới lề lối, phương thức làm việc đảm bảo chủ yếu thực hiện qua môi trường mạng.

- Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích người dân và doanh nghiệp tăng cường tham gia góp ý, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, sử dụng các dịch vụ, tiện ích trực tuyến của tỉnh.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin:

+ Đầu tư bổ sung trang thiết bị, phần mềm, dịch vụ... nâng cấp Trung tâm dữ liệu của tỉnh, hệ thống thông tin tại CQHCCNN đảm bảo về năng lực lưu trữ, năng lực vận hành, bảo đảm an toàn thông tin (sau đây viết tắt là ATTT)... các hệ thống thông tin Chính quyền điện tử, hướng đến Chính quyền số.

+ Hoàn thiện mạng nội bộ (LAN) của cơ quan nhà nước các cấp, đảm bảo tất cả máy tính của cơ quan nhà nước các cấp kết nối thông suốt với mạng truyền số liệu chuyên dùng (sau đây viết tắt là TSLCD) qua thiết bị bảo mật đã được đầu tư; ưu tiên sử dụng mạng TSLCD làm mạng truyền dẫn chính phục vụ triển khai, vận hành, cung cấp dịch vụ các hệ thống công nghệ thông tin tại CQHCCNN các cấp.

+ Tổ chức triển khai chuyển đổi tất cả các hệ thống thông tin của UBND tỉnh (tên miền travinh.gov.vn) sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới - IPV6.

+ Đảm bảo trang bị thiết bị (máy vi tính, máy in, máy scan,...) cho CBCCVC khai thác các hệ thống thông tin đã được đầu tư.

- Phát triển các nền tảng Chính quyền điện tử, Chính quyền số:

+ Xây dựng và phát triển nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh kết nối thông suốt với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) đảm bảo

phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của tỉnh với nhau và với các hệ thống thông tin của cơ quan ngoài tỉnh theo điều phối, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ngành có liên quan.

+ Xây dựng, phát triển nền tảng Kho dữ liệu của tỉnh, tích hợp cơ sở dữ liệu tại CQHCCNN các cấp hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh (gồm các loại dữ liệu: người dân, doanh nghiệp, TTHC, danh mục dùng chung, hồ sơ, CBCCVVC, thông tin và truyền thông...) sẵn sàng chia sẻ dữ liệu cho tất cả các hệ thống thông tin có liên quan qua LGSP của tỉnh.

+ Triển khai thử nghiệm Ứng dụng nền tảng bản đồ số tích hợp cung cấp thông tin trên một số lĩnh vực (du lịch; đất đai; xây dựng; xúc tiến đầu tư vào các khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh...).

- Phát triển dữ liệu cho Chính quyền điện tử, Chính quyền số:

+ Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và phát triển Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh tích hợp thông tin, cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước các cấp hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh (gồm các loại dữ liệu: Người dân, doanh nghiệp, TTHC, danh mục dùng chung, hồ sơ, CBCCVVC, thông tin và truyền thông...); đồng thời từng bước tạo lập và cung cấp cơ sở dữ liệu mở phục vụ tổ chức, cá nhân.

+ Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chuyên ngành, đảm bảo tuân thủ quy định của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, tuân thủ Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh; tổ chức số hóa và cập nhật đầy đủ hồ sơ, tài liệu vào các cơ sở dữ liệu thuộc trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị. Ưu tiên xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin các ngành, lĩnh vực gồm: Y tế, giáo dục; tài chính - ngân hàng, nông nghiệp, giao thông vận tải và logistics, năng lượng, tài nguyên và môi trường, sản xuất công nghiệp....

+ Xây dựng và phát triển các công cụ khai thác, khai phá Kho dữ liệu dùng chung phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp; hoạt động quản lý, phân tích, dự báo của cơ quan, tổ chức nhà nước; giao tiếp trực tuyến giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước trên các lĩnh vực. Ưu tiên xây dựng công cụ phục vụ tra cứu thông tin về TTHC; phản ánh hiện trường; thông tin doanh nghiệp; thông tin kinh tế - xã hội; thông tin có liên quan trên các lĩnh vực: Y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng, nông nghiệp, giao thông vận tải và logistics

- Tiếp tục rà soát nâng cấp, hoàn thiện chức năng hệ thống Quản lý văn bản và điều hành - iOffice; tổ chức sử dụng đồng bộ Hệ thống iOffice thực hiện công tác văn thư theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ; theo dõi tình hình thực hiện ý kiến chỉ đạo cấp thẩm quyền giao; thực hiện nghiệp vụ lưu trữ điện tử tại lưu trữ cơ quan theo Quyết định 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Lưu trữ tài liệu điện tử của các CQNN giai đoạn 2020 - 2025”; thực hiện phát hành văn bản điện tử có chữ ký số, không gửi văn bản giấy theo

Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ⁴.

- Rà soát nâng cấp, hoàn thiện chức năng Hệ thống thông tin báo cáo của UBND tỉnh đảm bảo kết nối thông suốt với hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ; tổ chức thực hiện các báo cáo định kỳ qua hệ thống thông tin báo cáo của UBND tỉnh theo Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của CQHCCN; có lộ trình chuyển dần từ báo cáo bằng văn bản giấy sang báo cáo điện tử.

- Xây dựng và phát triển các ứng dụng CNTT tại Trung tâm điều hành thông minh IOC của UBND tỉnh đảm bảo thông tin theo thời gian thực phục vụ chỉ đạo, điều hành, hỗ trợ ra quyết định của lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND tỉnh và lãnh đạo CQHCCN các cấp và phục vụ cung cấp thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Tiếp tục rà soát nâng cấp, hoàn thiện chức năng Cổng dịch vụ công của tỉnh (hoặc hệ thống thông tin một cửa điện tử của ngành); tổ chức sử dụng đồng bộ các hệ thống thực hiện quy trình tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết TTHC đúng quy định⁵.

- Tiếp tục rà soát tái cấu trúc quy trình để tích hợp, cung cấp DVCTT mức độ 3, mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và Cổng dịch vụ công Quốc gia; đảm bảo cung cấp DVCTT mức độ 3, mức độ 4 đạt yêu cầu về số lượng, chất lượng theo chỉ đạo của Chính phủ; có biện pháp tuyên truyền, hỗ trợ phù hợp để tổ chức, cá nhân ưu tiên lựa chọn hình thức nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến.

- Vận hành và phát triển Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) đảm bảo năng lực phục vụ công tác giám sát, điều hành, bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên phạm vi toàn tỉnh; đảm bảo SOC kết nối và chia sẻ thông tin thông suốt với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành cũng như vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thực hiện CCHC từ tỉnh đến cấp huyện, cấp xã. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Coi trọng công tác thi đua, khen thưởng trong CCHC.

2. Tăng cường công tác phối hợp giữ các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC, đảm bảo tính kịp thời và đem lại hiệu quả cao nhất.

⁴ Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước

⁵ Tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, Nghị định số 45/2020 ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

3. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho CBCC, người dân, doanh nghiệp và xã hội; tiếp tục phát huy dân chủ, thực hiện quyền giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của bộ máy hành chính. Hàng năm xây dựng các giải pháp cụ thể, nhiệm vụ thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền.

4. Bố trí đủ nguồn tài chính và nhân lực cho CCHC; huy động và bố trí đủ CBCCVV có năng lực xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC. Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC.

5. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra công vụ, xử lý nghiêm các cá nhân, tổ chức vi phạm.

7. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện CCHC; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo.

V. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị căn cứ Kế hoạch này và yêu cầu thực tế nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, xây dựng kế hoạch CCHC hàng năm đảm bảo sát hợp, hiệu quả; báo cáo định kỳ kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính hàng quý, 6 tháng, năm gửi về Sở Nội vụ theo thời gian quy định.

Thường xuyên tổ chức sơ kết, tổng kết công tác thực hiện CCHC của cơ quan, đơn vị nhằm đánh giá, phát hiện những hạn chế, khó khăn, từ đó đề ra giải pháp khắc phục hoặc báo cáo, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo xử lý kịp thời.

Chủ động phối hợp tốt với các cơ quan làm đầu mối thực hiện 06 nhiệm vụ CCHC, đảm bảo thực hiện đạt hiệu quả các mục tiêu CCHC tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.

2. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh triển khai, thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tổ chức bộ máy hành chính, cải cách chế độ công vụ; tổ chức chấm điểm, đánh giá kết quả Chỉ số CCHC theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và đánh giá, xếp hạng kết quả hoạt động CCHC của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp các cơ quan có liên quan triển khai công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC.

- Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện công tác kiểm tra thực hiện công tác CCHC; tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho CBCC tham mưu, giúp việc về CCHC ở các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch CCHC hàng năm, xây dựng báo cáo CCHC hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất về tình hình thực hiện công tác CCHC trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tư pháp:

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh triển khai, thực hiện nhiệm vụ rà soát, hoàn thiện quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL.

- Triển khai, thực hiện các hoạt động thuộc nhiệm vụ cải cách thể chế; tiến hành kiểm tra, tổng hợp đánh giá kết quả đạt được, báo cáo UBND tỉnh theo quy định; theo dõi, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan thông tin truyền thông triển khai công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách thể chế.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh triển khai, thực hiện nội dung cải cách TTHC.

- Vận hành hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, đảm bảo tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Chủ trì, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong thực hiện đổi mới phương thức làm việc thông qua gửi, nhận văn bản điện tử, xử lý hồ sơ công việc và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

5. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh triển khai thực hiện nội dung cải cách tài chính công; cơ chế, chính sách về đổi mới cơ chế tự chủ tài chính của ĐVSNCL.

- Chủ trì, hướng dẫn việc lập dự toán ngân sách, kinh phí thực hiện CCHC cho các đơn vị, địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, các cơ quan liên quan thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch CCHC.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ về đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ⁶.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện phân tích, đánh giá kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh Trà Vinh.

7. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai nội dung phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

- Nâng cấp, phát triển, vận hành Cổng dịch vụ công của tỉnh đáp ứng yêu cầu TTHC trên môi trường điện tử theo quy định.

⁶ Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- Chỉ đạo các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Trà Vinh.

8. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và cấp xã triển khai, duy trì và mở rộng việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các CQHCNN; tổ chức áp dụng ISO điện tử của tỉnh phục vụ công tác quản lý việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại CQHCNN các cấp.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh.

9. Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh:

- Tập trung xây dựng, hoàn thiện các chuyên trang, chuyên mục về CCHC để tuyên truyền có hiệu quả Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ, Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh Trà Vinh.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh kịp thời nêu gương những tổ chức, cá nhân có thành tích trong thực hiện công tác CCHC của tỉnh.

10. Đề nghị Báo Trà Vinh phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các nhiệm vụ CCHC giai đoạn 2021 - 2025.

Trong quá trình triển khai, thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh đến Sở Nội vụ để được hướng dẫn hoặc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.